UBND QUẬN HOÀNG MAI
**UBND PHƯỜNG LĨNH NAM**

Số: 170/TB-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Lĩnh Nam, ngày 01 tháng 4 năm 2024*

# THÔNG BÁO
## Về việc niêm yết công khai các Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền thực hiện tại UBND phường Lĩnh Nam

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

UBND phường Lĩnh Nam thông báo niêm yết công khai 182 thủ tục hành chính thuộc 14 lĩnh vực và 10 thủ tục hành chính ủy quyền thực hiện tại UBND phường. Cụ thể như sau:

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| **LĨNH VỰC: NỘI VỤ** | | | | | |
| **I** | **TÔN GIÁO** | | | | |
| 1 | Đăng ký hoạt động tín ngưỡng | QĐ số 3831/QĐ-UBND Ngày 30/7/2018 | 2.000509 | Một phần | |
| 2 | Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng | QĐ số 3831/QĐ-UBND Ngày 30/7/2018 | 1.001028 | Một phần | |
| 3 | Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung | QĐ số 3831/QĐ-UBND Ngày 30/7/2018 | 1.001055 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã | QĐ số 3831/QĐ-UBND Ngày 30/7/2018 | 1.001078 | Một phần | |
| 5 | Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã | QĐ số 3831/QĐ-UBND Ngày 30/7/2018 | 1.001085 | Một phần | |
| 6 | Đăng ký thay đổi người đại diện của 1 nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung | QĐ số 3831/QĐ-UBND Ngày 30/7/2018 | 1.001090 | Một phần | |
| 7 | Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn 1 xã | QĐ số 3831/QĐ-UBND Ngày 30/7/2018 | 1.001098 | Một phần | |
| 8 | Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác | QĐ số 3831/QĐ-UBND Ngày 30/7/2018 | 1.001109 | Một phần | |
| 9 | Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung | QĐ số 3831/QĐ-UBND Ngày 30/7/2018 | 1.001156 | Một phần | |
| 10 | Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc | QĐ số 3831/QĐ-UBND Ngày 30/7/2018 | 1.001167 | Một phần | |
| **II** | **THI ĐUA KHEN THƯỞNG** | | | | |
| 01 | Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã theo công trạng | QĐ số 1055/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 | 1.012373 | Một phần | |
| 02 | Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề | QĐ số 1055/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 | 1.012374 | Một phần | |
| 03 | Tặng Giấy khen của Chủ tịchUBND cấp xã về thành tích đột xuất | QĐ số 1055/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 | 1.012376 | Toàn trình | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 04 | Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình | QĐ số 1055/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 | 1.012378 | Một phần | |
| 05 | Xét tặng danh hiệu lao động tiên tiến | QĐ số 1055/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 | 1.012379 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| **LĨNH VỰC: GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO** | | | | | |
| 1 | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học | QĐ số 492/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 | 1.004441 | Một phần | |
| 2 | Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập | QĐ số 492/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 | 1.004492 | Một phần | |
| 3 | Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại | QĐ số 492/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 | 1.004443 | Toàn trình | |
| 4 | Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập | QĐ số 492/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 | 1.004485 | Một phần | |
| 5 | Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) | QĐ số 492/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 | 2.001810 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| **LĨNH VỰC: THANH TRA** | | | | | |
| 1 | Tiếp công dân. | QĐ số 551/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 | 1.010945 | Một phần | |
| 2 | Xử lý đơn. | QĐ số 551/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 | 2.002501 | Một phần | |
| 3 | Giải quyết khiếu nại lần đầu. | QĐ số 551/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 | 2.002409 | Một phần | |
| 4 | Giải quyết tố cáo. | QĐ số 551/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 | 2.002396 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| **LĨNH VỰC: NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | | | | | |
| **I** | **KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG** | | | | |
| 1 | Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích | QĐ số 3969/QĐ-UBND ngày 08/08/2023 | 1.008838 | Toàn trình | Quyết định 5356/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 |
| **II** | **PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI** | | | | |
| 1 | Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu | QĐ số 4527/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 | 2.002163 | Toàn trình | |
| 2 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng thiệt hại do dịch bệnh | QĐ số 4527/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 | 2.002162 | Toàn trình | |
| 3 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng thiệt hại do thiên tai | QĐ số 4527/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 | 2.002161 | Toàn trình | |
| 4 | Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn do lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội | QĐ số 4527/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 | 1.010091 | Toàn trình | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội | QĐ số 4527/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 | 1.010534 | Toàn trình | |
| **III** | **THỦY LỢI** | | | | |
| 1 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước *(Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)* | QĐ số 4527/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 | 2.001621 | Toàn trình | |
| 2 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã | QĐ số 4527/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 | 1.003446 | Một phần | |
| 3 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã | QĐ số 4527/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 | 1.003440 | Toàn trình | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| **IV** | **TRỒNG TRỌT** | | | | |
| 1 | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa | QĐ số 4527/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 | 1.008004 | Toàn trình | |
| 2 | Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp | QĐ 394/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 | 1.005412 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| **LĨNH VỰC: VĂN HÓA – THỂ THAO VÀ GIA ĐÌNH** | | | | | |
| 01 | Thủ tục Thông báo tổ chức Lễ hội cấp xã. | QĐ số 1348/QĐ-UBND ngày 11/03/2024 | 1.003622 | Một phần | |
| 02 | Thủ tục Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng. | QĐ số 1348/QĐ-UBND ngày 11/03/2024 | 1.008901 | Một phần | |
| 03 | Thủ tục Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đội với thư viện cộng đồng. | QĐ số 1348/QĐ-UBND ngày 11/03/2024 | 1.008902 | Một phần | |
| 04 | Thủ tục Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng. | QĐ số 1348/QĐ-UBND ngày 11/03/2024 | 1.008903 | Một phần | |
| 05 | Thủ tục Công nhận Câu lạc bộ thể thao cơ sở | QĐ số 1348/QĐ-UBND ngày 11/03/2024 | 2.000794 | Một phần | |
| 06 | Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã | QĐ số 1348/QĐ-UBND ngày 11/03/2024 | 1.012084 | Một phần | |
| 07 | Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc | QĐ số 1348/QĐ-UBND ngày 11/03/2024 | 1.012085 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| **LĨNH VỰC: MÔI TRƯỜNG và TÀI NGUYÊN NƯỚC** | | | | | |
| 1 | Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường | QĐ số 1040/QĐ-UBND ngày 25/03/2022 | 1.010736 | Một phần | |
| 2 | Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã) | QĐ số 3969/QĐ-UBND ngày 08/08/2023 | 1.004082 | Toàn trình | |
| 3 | Đăng ký khai thác nước dưới đất | QĐ số 4184/QĐ-UBND ngày 21/08/2023 | 1.001662 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| **LĨNH VỰC: ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** | | | | | |
| 1 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa | QĐ số7130/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 | 1.004088 | Một phần | |
| 2 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa | QĐ số7130/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 | 1.011776 | Một phần | |
| 3 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật | QĐ số7130/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 | 2.001711 | Một phần | |
| 4 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | QĐ số7130/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 | 1.004002 | Một phần | |
| 5 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | QĐ số7130/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 | 1.003970 | Một phần | |
| 6 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác | QĐ số7130/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 | 1.006391 | Một phần | |
| 7 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi giải trí dưới nước | QĐ số7130/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 | 2.001212 | Một phần | |
| 8 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa | QĐ số7130/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 | 1.004036 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện | QĐ số7130/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 | 2.001659 | Một phần | |
| 10 | Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung | QĐ số7130/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 | 1.005040 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| **LĨNH VỰC: BAN DÂN TỘC** | | | | | |
| 1 | Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số | QĐ số 241/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 | 1.004875 | Một phần | |
| 2 | Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số | QĐ số 241/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 | 1.004888 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| **LĨNH VỰC: Y TẾ - DÂN SỐ** | | | | | |
| 01 | Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ | QĐ 2149/QĐ-UBND ngày 12/04/2023 | 1.002192 | Một phần | |
| 02 | Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số | QĐ 2149/QĐ-UBND ngày 12/04/2023 | 2.001088 | Toàn trình | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| **LĨNH VỰC: QUẢN LÝ CÔNG SẢN** | | | | | |
| 01 | Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư | QĐ 2389/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 | 1.006742 | Toàn trình | Quyết định 6584/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| **LĨNH VỰC: LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC** | | | | | |
| 01 | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu | QĐ 2804/QĐ-UBND ngày 19/05/2023 | 2.000620 | Một phần | |
| 02 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu | QĐ 2804/QĐ-UBND ngày 19/05/2023 | 2.000615 | Một phần | |
| 03 | Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu | QĐ 2804/QĐ-UBND ngày 19/05/2023 | 2.002373 | Một phần | |
| 04 | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | QĐ 2804/QĐ-UBND ngày 19/05/2023 | 2.000181 | Một phần | |
| 05 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | QĐ 2804/QĐ-UBND ngày 19/05/2023 | 2.000162 | Toàn trình | |
| 06 | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | QĐ 2804/QĐ-UBND ngày 19/05/2023 | 2.000150 | Một phần | |
| 07 | Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | QĐ 2804/QĐ-UBND ngày 19/05/2023 | 2.000633 | Một phần | |
| 08 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | QĐ 2804/QĐ-UBND ngày 19/05/2023 | 2.000629 | Một phần | |
| 09 | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | QĐ 2804/QĐ-UBND ngày 19/05/2023 | 1.001279 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| **LĨNH VỰC: HỘ TỊCH – TƯ PHÁP - CHỨNG THỰC** | | | | | |
| **I** | **HỘ TỊCH** | | | | |
| 1 | Cấp bản sao trích lục hộ tịch | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 2.000635 | Toàn trình | |
| 2 | Đăng ký khai sinh | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 1.001193 | Một phần | |
| 3 | Đăng ký kết hôn | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 1.000894 | Một phần | |
| 4 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 1.001022 | Một phần | |
| 5 | Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 1.000689 | Một phần | |
| 6 | Đăng ký khai tử | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 1.000656 | Một phần | |
| 7 | Đăng ký khai sinh lưu động | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 1.003583 | Một phần | |
| 8 | Đăng ký kết hôn lưu động | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 1.000593 | Một phần | |
| 9 | Đăng ký khai tử lưu động | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 1.000419 | Một phần | |
| 10 | Đăng ký giám hộ | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 1.004837 | Một phần | |
| 11 | Đăng ký chấm dứt giám hộ | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 1.004845 | Một phần | |
| 12 | Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch; xác định lại dân tộc | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 2.000748 | Một phần | |
| 13 | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 1.004873 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 14 | Đăng ký lại khai sinh | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 1.004884 | Một phần | |
| 15 | Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 1.004772 | Một phần | |
| 16 | Đăng ký lại kết hôn | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 1.004746 | Một phần | |
| 17 | Đăng ký lại khai tử | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 1.005461 | Một phần | |
| 18 | Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch | QĐ số 528/QĐ-BTP ngày 10/04/2023 | 2.002516 | Toàn trình | |
| **II** | **NUÔI CON NUÔI** | | | | |
| 01 | Quy trình Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 2.001263 | Một phần | |
| 01 | Quy trình Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước | QĐ 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 | 2.001255 | Một phần | |
| **III** | **PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT** | | | | |
| 01 | Công nhân tuyên truyền viên pháp luật | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.001457 | Một phần | |
| 02 | Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.001449 | Một phần | |
| **IV** | **BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC** | | | | |
| 01 | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.002165 | Một phần | |
| **V** | **HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ** | | | | |
| 01 | Công nhận hòa giải viên | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 1.002211 | Một phần | |
| 02 | Công nhận tổ trưởng tổ | QĐ 3109/QĐ- | 2.000950 | Một | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| | hòa giải | UBND ngày 06/06/2023 | | phần | |
| 03 | Thôi làm hòa giải viên | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.000930 | Một phần | |
| 04 | Thanh toán thù lao cho hòa giải viên | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.002080 | Một phần | |
| **V** | **THỦ TỤC LIÊN THÔNG: LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ** | | | | |
| 01 | Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.000424 | Một phần | |
| **VI** | **THỦ TỤC LIÊN THÔNG: LĨNH VỰC HỘ TỊCH** | | | | |
| 01 | Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.000986 | Toàn trình | |
| **VII** | **CHỨNG THỰC** | | | | |
| 01 | Cấp bản sao từ sổ gốc | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.000908 | Một phần | |
| 02 | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.000815 | Một phần | |
| 03 | Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.000884 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 04 | Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.000913 | Một phần | |
| 05 | Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.000927 | Một phần | |
| 06 | Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.000942 | Một phần | |
| 07 | Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.001035 | Một phần | |
| 08 | Chứng thực di chúc | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.001019 | Một phần | |
| 09 | Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.001016 | Một phần | |
| 10 | Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất nhà ở | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.001406 | Một phần | |
| 11 | Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.001009 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| **LĨNH VỰC: LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** | | | | | |
| **I** | **NGƯỜI CÓ CÔNG** | | | | |
| 1. | Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến | QĐ 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 | 2.001157 | Một phần | |
| 2. | Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến | QĐ 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 | 2.001396 | Một phần | |
| 3. | Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ ấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi | QĐ số 5341/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 | 1.005387 | Một phần | |
| 4. | Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng có quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | QĐ số 5341/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 | 1.001257 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 5. | Cấp Bằng Tổ quốc ghi công (Đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 23, Pháp lệnh ưu đãi người có công đang sống tại gia đình) | QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 | 1.010772 | Một phần | |
| 6. | Cấp Bằng tổ quốc ghi công đối với người hi sinh nhưng chưa được cấp Bằng Tổ quốc ghi công mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31/12/1994 trở về trước | QĐ số 5341/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 | 1.010774 | Một phần | |
| 7. | Cấp đổi Bằng Tổ quốc ghi công | QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 | 1.010777 | Một phần | |
| 8. | Cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công | QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 | 1.010778 | Một phần | |
| 9. | Cấp Bằng Tổ quốc ghi công đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh | QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 | 1.010781 | Một phần | |
| 10. | Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Thành phố quản lý | QĐ số 1233/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 | 1.010812 | Một phần | |
| 11. | Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sỹ | QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 | 1.010803 | Một phần | |
| 12. | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" | QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 | 1.010804 | Một phần | |
| 13. | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong | QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày | 1.010805 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| | thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an | 24/06/2022 | | | |
| 14. | Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an | QĐ số 5341/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 | 1.010810 | Một phần | |
| 15. | Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động TBXH quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ | QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 | 1.010814 | Một phần | |
| 16. | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng | QĐ số 5341/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 | 1.010788 | Một phần | |
| 17. | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 | 1.010816 | Một phần | |
| 18. | Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 | 1.010817 | Một phần | |
| 19. | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù đầy | QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 | 1.010818 | Một phần | |
| 20. | Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế | QĐ số 5341/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 | 1.010819 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 21. | Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng | QĐ số 5341/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 | 1.010820 | Một phần | |
| 22. | Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (trường hợp HS người có công không do quân đội, công an quản lý) | QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 | 1.010821 | Một phần | |
| 23. | Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần (Trợ cấp một lần/trợ cấp mai tang/trợ cấp tuất hàng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hàng tháng) | QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 | 1.010824 | Một phần | |
| 24. | Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ | QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 | 1.010825 | Một phần | |
| 25. | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với Cựu chiến binh | QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 | 2.002307 | Một phần | |
| 26. | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với Thanh niên Xung phong thời kỳ chống Pháp | QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày 24/06/2022 | 2.002308 | Một phần | |
| 27. | Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công | QĐ số 627/QĐ-LĐTBXH ngày 12/05/2023 | 1.010833 | Toàn trình | |
| 28. | Thăm viếng mộ liệt sĩ | | 1.010832 | Một phần | |
| | **Lao động, tiền lương, quan hệ lao động** | | | | |
| 29. | Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Cam-pu-chia | QĐ số 1200/QĐ-UBND ngày 08/04/2022 | 1.004964 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| **II** | **BẢO TRỢ XÃ HỘI- GIẢM NGHÈO** | | | | |
| 01 | Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em | QĐ số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 | 1.001310 | Một phần | |
| 02 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện | QĐ số 3801/QĐ-UBND ngày 04/08/2021 | 2.000286 | Một phần | |
| 03 | Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng | QĐ số 292/QĐ-LĐTBXH ngày 16/03/2023 | 1.001776 | Một phần | |
| 04 | Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng , hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh | QĐ số 3801/QĐ-UBND ngày 04/08/2021 | 1.001758 | Một phần | |
| 05 | Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | QĐ số 3801/QĐ-UBND ngày 04/08/2021 | 1.001753 | Một phần | |
| 06 | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (chết ngoài vùng cư trú, do UBND cấp xã tổ chức mai táng) | QĐ số 3801/QĐ-UBND ngày 04/08/2021 | 1.001731 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 07 | Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp | QĐ số 3801/QĐ-UBND ngày 04/08/2021 | 1.001739 | Một phần | |
| 08 | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở | QĐ số 3801/QĐ-UBND ngày 04/08/2021 | 2.000751 | Một phần | |
| 09 | Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật | QĐ số 1402/QĐ-UBND ngày 13/03/2024 | 1.001699 | Một phần | |
| 10 | Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật | QĐ số 1402/QĐ-UBND ngày 13/03/2024 | 1.001653 | Một phần | |
| 11 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hàng năm | QĐ số 2294/QĐ-UBND ngày 18/04/2023 | 1.011606 | Một phần | |
| 12 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm | QĐ số 2294/QĐ-UBND ngày 18/04/2023 | 1.011607 | Một phần | |
| 13 | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm | QĐ số 2294/QĐ-UBND ngày 18/04/2023 | 1.011608 | Một phần | |
| 14 | Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình | QĐ số 2294/QĐ-UBND ngày 18/04/2023 | 1.011609 | Một phần | |
| 15 | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn | QĐ số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 | 2.000355 | Một phần | |
| **III** | **LĨNH VỰC TRẺ EM** | | | | |
| 01 | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em | QĐ số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 | 1.004946 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 02 | Chấm dứt việc trăm sóc thay thế cho trẻ em | QĐ số 1233/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 | 1.004944 | Một phần | |
| 03 | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt | QĐ số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 | 2.001947 | Một phần | |
| 04 | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em | QĐ số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 | 1.004941 | Một phần | |
| 05 | Thông báo chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em | QĐ số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 | 2.001944 | Một phần | |
| 06 | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế | QĐ số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 | 2.001942 | Một phần | |
| **IV** | **PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI** | | | | |
| 01 | Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện | QĐ số 470/QĐ-LĐTBXH ngày 03/06/2022 | 1.010941 | Toàn trình | |
| **IV** | **LIÊN THÔNG KHAI SINH – CẤP THẺ BHYT** | | | | |
| 01 | Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi | QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 | 2.000986 | Toàn trình | |
| **VI** | **LIÊN THÔNG CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: ĐĂNG KÝ KHAI TỬ,** | | | | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| | **XOA ĐANG KY THƯỜNG TRU, HƯỞNG CHE ĐỘ TỬ TUẤT/HỖ TRỢ CHI PHÍ MAI TÁNG/HƯỞNG MAI TÁNG PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | | | | |
| 01 | Đăng ký khai tử, xóa đặng ký thường trú (thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ) | QĐ số 4041/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 | | | |
| 02 | Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (Thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng trợ cấp tuất/mai táng phí (Đối với người hưởng lương hưu, hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng, trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 613/QĐ-TTg, Quyết QT-TPLT02 Định 91/2000/QĐ-TTg, người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người bảo lưu thời gian đóng BHXH và người chờ đủ điều kiện về tuổi đời để hưởng lương lưu, trợ cấp hàng tháng tại Quận, Huyện, Thị xã nơi khai tử) | QĐ số 4041/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 | | Toàn trình | |
| 03 | Đăng ký khai tử, hưởng trợ cấp tuất/ mai táng phí (Đối với người hưởng lương hưu, hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng, trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 613/QĐ-TTg, Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg, người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người bảo lưu thời gian đóng BHXH và người chờ đủ điều kiện về tuổi đời để hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng tại Quận, Huyện, Thị xã nơi khai tử. | QĐ số 4041/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 | | Toàn trình | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 04 | Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (Thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần (nếu có) đối với người có công với cách mạng từ trần (bao gồm thân nhân liệt sỹ đang hưởng trợ cấp hàng tháng). | QĐ số 4041/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 | | Toàn trình | |
| 05 | Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (Thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng) | QĐ số 4041/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 | | Toàn trình | |
| 06 | Đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng) | QĐ số 4041/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 | | Toàn trình | |
| 07 | Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (Thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng mai táng phí đối với người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg | QĐ số 4041/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 | | Toàn trình | |
| 08 | Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo quyết định | QĐ số 4041/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 | | Toàn trình | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| | 290/2005/QĐ-TTg, Quyết định số 188/QĐ-TTg. | | | | |
| 09 | Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (Thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị QT-TPLT09 định số 150/2006/NĐ-CP của chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh. | QĐ số 4041/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 | | Toàn trình | |
| 10 | Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP của chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh ưu đãi cựu chiến binh | QĐ số 4041/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 | | Toàn trình | |
| 11 | Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (Thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc ở Cam-Pu-Chia. Giúp bạn Lào sau ngày 30/04/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc. | QĐ số 4041/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 | | Toàn trình | |
| 12 | Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến | QĐ số 4041/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 | | Toàn trình | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| | tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-Pu-Chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/04/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc | | | | |
| 13 | Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia-a, giúp bạn lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc | QĐ số 4041/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 | | Toàn trình | |
| 14 | Đăng ký khai tử, xóa đặng ký thường trú (thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định 49/2015/QĐ-TTg về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. | QĐ số 4041/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 | | Toàn trình | |
| 15 | Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định 49/2015/QĐ-TTg về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. | QĐ số 4041/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 | | Toàn trình | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| **LĨNH VỰC: ĐẤT ĐAI** | | | | | |
| 01 | Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu | QĐ 1088/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 | 1.004206 | Một phần | |
| 02 | Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân | QĐ 1088/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 | 2.001761 | Một phần | |
| 03 | Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế | QĐ 1088/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 | 1.003836 | Một phần | |
| 04 | Đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu | QĐ 1088/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 | 1.002335 | Một phần | |
| 05 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất. | QĐ 1088/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 | 1.002291 | Toàn trình | |
| 06 | Cấp giấy c/nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu | QĐ 1088/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 | 1.002314 | Một phần | |
| 07 | Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện "dồn điền đổi thửa" (đồng loạt) | QĐ 1088/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 | 1.003572 | Một phần | |
| 08 | Hòa giải tranh chấp đất đai | QĐ 1088/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 | 1.003554 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| **ỦY QUYỀN LĨNH VỰC: VĂN HÓA (thư viện)** | | | | | |
| 01 | Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc sơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng trên địa bàn phường | QĐ 4278/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND quận Hoàng Mai | 1.008898 | Một phần | |
| 02 | Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia tách thư viện đối với thư viện thuộc sơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng trên địa bàn phường | QĐ 4278/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND quận Hoàng Mai | 1.008899 | Một phần | |
| 03 | Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc sơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng trên địa bàn phường | QĐ 4278/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND quận Hoàng Mai | 1.008900 | Một phần | |
| **ỦY QUYỀN LĨNH VỰC: LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH & XÃ HỘI (phòng chống tệ nạn xã hội – Giáo dục nghề nghiệp)** | | | | | |
| 01 | Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân | QĐ 4279/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND quận Hoàng Mai<br>QĐ 5682/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND TP Hà Nội | 2.001661 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 02 | Hỗ trợ chi phí học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng; hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động bị thu hồi đất | QĐ 4279/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND quận Hoàng Mai<br>QĐ 5682/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND TP Hà Nội | 1.006859 | Một phần | |
| 03 | Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài | QĐ 5682/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND TP Hà Nội | 2.001960 | Một phần | |
| **ỦY QUYỀN<br>CẤP QUẬN GIẢI QUYẾT LĨNH VỰC: LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH & XÃ HỘI<br>(Người có công )** | | | | | |
| 01 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà Mẹ Việt Nam anh hùng" | QĐ 4330/QĐ-UBND ngày 30/08/2023 của UBND TP Hà Nội | 1.010804 | Một phần | |
| 02 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an | QĐ 4330/QĐ-UBND ngày 30/08/2023 của UBND TP Hà Nội | 1.010805 | Một phần | |
| 03 | Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | QĐ 4330/QĐ-UBND ngày 30/08/2023 của UBND TP Hà Nội | 1.010821 | Một phần | |
| 04 | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh | QĐ 4330/QĐ-UBND ngày 30/08/2023 của UBND TP Hà Nội | 2.002307 | Một phần | |
| 05 | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp | QĐ 4330/QĐ-UBND ngày 30/08/2023 của UBND TP Hà Nội | 2.002308 | Một phần | |
| 06 | Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần. | QĐ 4330/QĐ-UBND ngày 30/08/2023 của UBND TP Hà Nội | 1.010824 | Một phần | |

| TT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC CỦA UBND TP HÀ NỘI | MÃ THỦ TỤC | MỨC ĐỘ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|
| 07 | Thăm viếng mộ liệt sĩ | QĐ 5682/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của UBND TP Hà Nội | 1.010832 | Một phần | |

Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Ban TV Đảng ủy phường,
*(Để báo cáo)*
- Các Đ/c lãnh đạo UBND phường;
(Để chỉ đạo)
- Các đ/c cán bộ, công chức phường;
(Để thực hiện)
- Niêm yết công khai tại BP Một cửa;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Việt**

